

**CÔNG TY TNHH PHẠM HÀ BÌNH DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHẠM HÀ BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702534907

**3. Ngày thành lập:** 16/02/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 56, đường Trần Tử Bình, tổ 22, khu phố 4, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0916790484

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 2.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                               | 9511     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng) | 4620     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721     |
| 5.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4730     |
| 6.  | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                               | 9529     |
| 7.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632     |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào<br>(Thuốc lá, thuốc Lào sản xuất trong nước)                                                                                                                                                                                                                                                | 4634     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652     |
| 11. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                   | 4751     |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                              | 4752     |
| 13. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4763     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                     | 5610(Chính) |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                    | 5629        |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 18. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Thuốc lá, thuốc lào sản xuất trong nước)                                                                                                                     | 4724        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4741        |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 22. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng) | 4764        |
| 23. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4771        |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4773        |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4723        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                               | 4653        |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                         | 4799        |
| 29. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                        | 9522        |
| 30. | Sửa chữa thiết bị liên lạc<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                 | 9512        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                               | 9521        |
| 32. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                | 9524        |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4774        |
| 34. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                         | 4631        |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4719        |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Thuốc lá, thuốc lào sản xuất trong nước)                                                                    | 4711        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 38. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4753        |
| 39. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                        | 5621        |

|     |                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 40. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                              | 4690                                                                |
| 41. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4722                                                                |
| 42. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4759                                                                |
| 43. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ THỊ NGỌC HOAN  | Số 212 Yersin, tổ 21, khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 1.300.000.000         | 86,667    | 280731060                                                                                                                                         |         |
| 2   | LÊ THỊ NGỌC NHUNG | Số 29/6 Tân Thắng, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam                          | 200.000.000           | 13,333    | 280743389                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ THỊ NGỌC HOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/01/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 280731060

Ngày cấp: 11/12/2010

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 212 Yersin, tổ 21, khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 212 Yersin, tổ 21, khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương